

Số: **07** /2016/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày 29 tháng 4 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định mức thu học phí đối với đào tạo trình độ cao đẳng,
trung cấp tại các cơ sở giáo dục công lập chưa bảo đảm kinh phí
chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc tỉnh quản lý
từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA VIII, KỶ HỌP THỨ 12 - TỔNG KẾT NHIỆM KỶ 2011-2016**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Sau khi xem xét Tờ trình số 11/TTr-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc quy định mức thu học phí đối với đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục công lập chưa bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc tỉnh quản lý từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021; Báo cáo thẩm tra số 17/BC-HĐND ngày 06 tháng 04 năm 2016 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu học phí đối với đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục công lập chưa bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc tỉnh quản lý từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/tháng/học sinh, sinh viên

TT	Nhóm ngành, nghề	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
I	Trung cấp					
1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	376	416	456	496	552
2	Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	440	488	536	592	656
3	Y dược	544	600	664	728	800
II	Cao đẳng					
1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	459	502	553	604	663
2	Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	536	595	655	723	799

Điều 2.

Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa VIII, kỳ họp thứ 12 tổng kết nhiệm kỳ 2011-2016 thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2016./μ

Nơi nhận: *

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- TT. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- TT huyện (thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Phòng Công tác ĐDBQH, HĐND, TT-DN;
- Lưu: VT, HS

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Du